

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Lê Thị Thận.

2. Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị PH, sinh năm 1993. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn CH, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị PH trình bày:*

Chị và anh CH tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2020; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân anh CH hay uống rượu rồi gây gỗ đánh chị, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không còn có thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Văn CH.

Về con chung: Hiện nay chị đang mang thai, chị và anh CH chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh CH không có tài sản chung và không nợ ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Vũ Văn CH quá trình giải quyết vụ án qua lời khai trình bày:*
Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị PH; xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn chị PH trình bày là đúng. Vợ chồng đã sống ly thân được gần 03 tháng trở lại đây mà không hàn gắn được. Nay chị PH yêu cầu khởi kiện ly hôn thì anh cũng chấp nhận theo ý kiến của chị PH, để chị PH tự quyết định.

Về con chung: Anh và chị PH chưa có con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị PH đang mang thai được khoảng mấy tháng, hiện nay anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị PH không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình ngày 28/7/2022 giữa Tòa án nhân dân huyện B với đại diện chính quyền địa phương nơi anh CH và chị PH sinh sống thể hiện:* Anh CH và chị PH sinh sống tại địa phương, nhưng địa phương không biết về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh CH và chị PH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn là tự nguyện; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị PH: Chị Nguyễn Thị PH và anh Vũ Văn CH tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ đầu năm 2020; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 ngày 07/02/2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị PH và anh CH là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Trong thời gian chung sống các bên thừa nhận xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh CH thường hay uống rượu, không quan tâm cuộc sống gia đình, hay gây gỗ đánh chị PH. Khoảng giữa tháng 06/2022 chị PH và anh CH đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh CH cũng đồng ý theo ý kiến của chị PH về nội dung khởi kiện nhưng không tham gia các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nên không có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa chị PH và anh CH là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của chị PH là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị PH và anh CH xác nhận chưa có con chung, nhưng hiện nay chị PH đang mang thai. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị PH đối với bị đơn anh Vũ Văn CH; chị Nguyễn Thị PH được ly hôn với anh Vũ Văn CH.

2. Về con chung: Chị PH và anh CH xác nhận chưa có con chung, nhưng hiện nay chị PH đang mang thai. Chị PH và anh CH không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị PH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000454 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã MH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình